

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14-8-2021

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Dung.

Bà Đỗ Thị Thanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 82/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2021, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Tạ Thị T**, sinh năm 1991.

ĐKHKTT: Khu dân cư Đ, phường A, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Nguyên quán: Thôn K, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà .. T,, phường , thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Dương Văn H**, sinh năm 1984.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu dân cư Đ, phường A, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại: Đ (Trung Quốc). Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Dương Thị C**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Khu dân cư Đ, phường A, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị T trình bày: Chị và anh Dương Văn H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thị xã C (nay là phường A, thành phố C), tỉnh Hải Dương ngày 31/3/2010. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Hưng chơi bời, không chịu làm ăn dẫn đến nợ nần và thường xuyên cãi nhau về kinh tế. Năm 2018 chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), sau đó anh H cũng sang Đài Loan (Trung Quốc) làm ăn, tuy nhiên mỗi người ở một nơi, anh H vẫn mãi chơi, không chịu làm ăn. Vợ chồng kinh tế độc lập và không còn quan tâm tới nhau. Năm 2020 chị về nước và về nhà bố mẹ đẻ ở, còn anh H vẫn lao động tại Đài Loan (Trung Quốc). Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Dương Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Dương Thị Thu H, sinh ngày 14/5/2011, hiện đang ở với bà nội là Dương Thị C. Chị nhất trí giao con chung cho anh H nuôi dưỡng. Trong thời gian anh H không có mặt tại Việt Nam, chị nhất trí giao con chung cho bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị không phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung của chị Trang và anh Hưng là Dương Thị Thu H có nguyện vọng được ở với anh H và bà nội trong thời gian anh H ở nước ngoài.

Bà Dương Thị C (là mẹ anh H) khai: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh H ở nước ngoài nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên anh H vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh H biết. Thông qua gia đình, anh Hưng trình bày quan điểm và xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn. Về con chung anh đề nghị được nuôi dưỡng con chung Dương Thị Thu H và tự nguyện không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng cho con. Trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam, anh ủy quyền cho bà C chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung anh xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà C nhất trí nhận sự ủy quyền về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con của anh H trong thời gian anh Hưng không có mặt tại Việt Nam, bà không yêu cầu chị T, anh H phải có trách nhiệm cấp dưỡng.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị T, anh H đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Trong thời gian chung sống vợ chồng, chị T và anh Hưng cùng có thời gian đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài sau đó chị T về nước còn anh H hiện vẫn ở nước ngoài. Hiện tại chị T không sống tại gia đình nhà chồng. Vợ chồng chị T, anh H mỗi người ở một nơi, không có sự chia sẻ,

gắn bó. Tình cảm vợ chồng không còn. Chị T có đơn đề nghị giải quyết ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các đương sự và theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) và nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận cho chị Tạ Thị T được ly hôn anh Dương Văn H. Về con chung: Giao cho anh Dương Văn H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Dương Thị Thu H. Trong thời gian anh H ở nước ngoài, bà C cần thay anh H nuôi dưỡng cháu. Chị Trang không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: Chị Tạ Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Tạ Thị T sinh sống ở Việt Nam, bị đơn anh Dương Văn H có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở Khu dân cư Đại, phường A, thành phố C, tỉnh Hải Dương, hiện anh H đang lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), không rõ địa chỉ cụ thể. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh H ở nước ngoài. Tòa án đã đề nghị gia đình anh H cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án cũng tổng đạt các văn bản tố tụng cho người thân trong gia đình anh H và gia đình đã thông báo cho anh H biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị T và anh H. Đồng thời Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa lần thứ hai anh H vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt. Chị T, bà C vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị T và anh Dương Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thị xã C (nay là phường A, thành phố C), tỉnh Hải Dương ngày 31/3/2010 nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H mãi chơi, không tu chí làm ăn dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn từ đó vợ chồng thường xảy ra cãi nhau. Năm 2018, vợ chồng cùng đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan (Trung Quốc) nhưng

mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai. Khi chị T về nước không muốn gắn bó với anh H nên đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng không liên lạc với nhau. Thông qua gia đình, anh H thông tin và xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Hưng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và được chứng minh qua lời khai của các đương sự, đại diện gia đình, chính quyền địa phương. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị T ly hôn anh H là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ nuôi con: Chị Tạ Thị T và anh Dương Văn H có một con chung là Dương Thị Thu H, sinh ngày 14/5/2011, hiện đang ở với bà C. Xét thấy, chị T nhất trí để anh H nuôi dưỡng con chung và nhất trí tạm giao con cho bà C nuôi dưỡng trong thời gian anh Hưng ở nước ngoài. Để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, HĐXX cần chấp nhận giao con chung Dương Thị Thu H cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng cho con. Trong thời gian anh H ở nước ngoài cần tạm giao con chung Dương Thị Thu H cho bà C chăm sóc nuôi dưỡng. Nếu có căn cứ cho rằng anh H không đủ điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị T có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết chia tài sản sau khi ly hôn (nếu có) theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Chị Tạ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì những lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Tạ Thị T** ly hôn anh **Dương Văn H**
2. Về quan hệ nuôi con: Xử giao cho anh Dương Văn H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Dương Thị Thu H, sinh ngày 14/5/2011 cho

đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng cho con.

Tạm giao cho bà Dương Thị C nuôi dưỡng cháu Dương Thị Thu H trong thời gian anh H ở nước ngoài.

Không ai được cản trở chị Tà Thị T thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Tà Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp, theo biên lai thu số AA/2018/0005955 ngày 19 tháng 4 năm 2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Tà Thị T và bà Dương Thị C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Dương Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường A, thành phố C tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Nguyễn Minh Tân**